

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST

Ngày 22-4-2024

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Hồng Điệp.

Ông Thạch Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2023/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị K, sinh năm 1956; Địa chỉ: Ấp N, thị trấn Đại N, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ liên lạc: 4Q/1, tổ 4, khu vực 3, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (Có mặt).

Bị đơn: Ông Quách B, sinh năm 1956; Địa chỉ: Ấp N, thị trấn Đại N, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị K trình bày:

Trước năm 1975, bà Phan Thị K và ông Quách B tự nguyện chung sống với nhau, không có đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống ông, bà chung sống hạnh phúc, một thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Trong thời gian chung sống ông, bà có 01 (một) người con chung tên Quách Thị Minh T, sinh ngày

31/10/1997. Về tài sản chung, bà và ông B đã tự thỏa thuận. Về nợ chung: Không có. Nay bà Phan Thị K yêu cầu: Về hôn nhân: Xin được ly hôn với ông Quách B. Về con chung: Con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 25/3/2024 bị đơn ông Quách B trình bày: Ông và bà K chung sống với nhau vào năm 1982. Trong thời gian chung sống có một người con chung tên Quách Thị Minh T, hiện đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung, ông thống nhất với lời trình bày của bà K.

Đối với yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị K, thì ông đồng ý ly hôn. Về con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Quách B là bị đơn, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 227, 235 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Quách B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị K trình bày ông bà chung sống với nhau vào khoảng năm 1982, không nhớ rõ có đăng ký kết hôn hay không. Tại các văn bản gửi cho Tòa án, ông Quách B tại biên bản trình bày: ông và bà Phan Thị K chung sống với nhau vào khoảng năm 1982. Bà Phan Thị K có cung cấp cho Tòa án Công văn số 11/UBND ngày 02/4/2024, Ủy ban nhân dân Đại Ngãi xác nhận: “ Qua trích lục sổ lưu đăng ký kết hôn tại địa phương, không có tên của bà Phan Thị K, sinh ngày 07/4/1956”. Tại biên bản xác minh ngày 27/3/2024, đại diện UBND ấp Ngãi Hội 2, thị trấn Đại Ngãi huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng cung cấp thông tin “... bà K và ông B chung sống với nhau vào trước năm 1980.”. Theo quy định tại điểm a, khoản 3 của Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật HNGĐ năm 2000 “ Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ

lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000”. Xét thấy việc chung sống của ông B, bà K được xác lập vào thời điểm năm 1980, trước ngày 03/01/1987, mặc dù không có đăng ký kết hôn, nhưng vẫn được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp.

Tại phiên tòa bà K vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Nhận thấy, bà K và ông B chung sống với nhau từ những năm 1980. Cuộc sống hôn nhân của ông bà chỉ hạnh phúc được một thời gian. Sau đó, các bên phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân một thời gian dài. Các bên đã không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì đời sống vợ chồng với nhau. Theo biên bản ghi lời khai ngày 25/3/2024, ông Quách B trình ông B cũng đồng ý ly hôn. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận cho bà K được ly hôn với ông B.

[3] Về con chung: Bà Phan Thị K và ông Quách B thống nhất xác định trong thời chung sống ông bà có một người con chung tên Quách Thị Minh T, hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Phan Thị K và ông Quách B xác định trong thời gian chung sống ông bà có tạo lập được một số tài sản chung, nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Phan Thị K và ông Quách B xác định trong thời gian chung sống ông bà không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Phan Thị K, sinh năm 1956, thuộc diện người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí. Ông Quách B không phải chịu án phí.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, Điều 227; Điều 228, Điều 235; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị K được ly hôn với ông Quách B.

2/ Về con chung: Có 01 con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung: Bà Phan Thị K và ông Quách B tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Các bên xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị K được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm. Ông Quách B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự..

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Triều Vũ Hà